

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGUYỄN TẤT THÀNH

BM12_XDCT_Chương trình đào tạo
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành: THIẾT KẾ ĐỒ HỌA

Mã ngành: 7210403

(Kèm theo Quyết định số 12.06/QĐ-NTT ngày 31 tháng 8 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nguyễn Tất Thành)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

1.1 Tên ngành đào tạo

- Tên tiếng Việt: Thiết kế đồ họa

- Tên tiếng Anh: Graphic Design

1.2 Các chuyên ngành

+ Chuyên ngành: Thiết kế đồ họa

1.3 Trình độ đào tạo: Đại học

1.4 Loại hình đào tạo: Chính quy

1.5 Khóa học áp dụng: từ khóa 2022

1.6 Thời gian đào tạo: 4 năm

1.7 Tên văn bằng tốt nghiệp:

+ Tên tiếng Việt: Cử nhân Thiết kế đồ họa

+ Tên tiếng Anh: The Degree of Bachelor in Graphic Design

1.8 Đơn vị đào tạo:

+ Khoa Kiến Trúc – Nội thất – Mỹ Thuật Ứng Dụng

+ Địa chỉ văn phòng: 331 Quốc lộ 1A, phường An Phú Đông, Quận 12, TP.HCM.

+ Điện thoại liên lạc: (028) 62565690-224

2. Các tiêu chí tuyển sinh và yêu cầu đầu vào của chương trình đào tạo

Đối tượng tuyển sinh: Học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông

Tiêu chí tuyển sinh, tổ hợp môn tuyển:

- Phương thức 1: Xét kết quả Kỳ thi Trung học phổ thông quốc gia là điểm cộng 03 môn thi theo tổ hợp môn xét tuyển đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đại học tối thiểu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo 2022.

Các tổ hợp môn xét tuyển:

V00: Toán – Ngữ văn – Vẽ mỹ thuật 2 (Tĩnh vật chì)

V01: Toán – Anh văn – Vẽ mỹ thuật 2 (Tĩnh vật chì)

H00: Ngữ văn – Vẽ mỹ thuật 1 (Trang trí màu) – Vẽ mỹ thuật 2 (Tĩnh vật chì);

H01: Toán – Vẽ mỹ thuật 1 (Trang trí màu) – Vẽ mỹ thuật 2 (Tĩnh vật chì)

- Phương thức 2: Tổng ĐTB 1 HK lớp 10+ ĐTB 1 HK lớp 11+ ĐTB 1 HK lớp 12 đạt từ 18 trở lên (được chọn điểm cao nhất trong 2 HK của mỗi năm học)

Tổng điểm trung bình 5 HK: ĐTB_HK1 lớp 10 + ĐTB_HK2 lớp 10 + ĐTB_HK1 lớp 11 + ĐTB_HK2 lớp 11 + ĐTB_HK1 lớp 12 đạt từ 30 trở lên.

Điểm tổ hợp các môn xét tuyển lớp 12 đạt từ 18 trở lên.

Điểm Trung bình cả năm lớp 12 đạt từ 6.0 trở lên

- Phương thức 3: Xét tuyển kết quả bài thi kiểm tra đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP. HCM.

- Phương thức 4: Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển các thí sinh đạt giải kỳ thi học sinh giỏi quốc gia, cuộc thi Khoa học kỹ thuật quốc gia, Kỳ thi tay nghề Asean và quốc tế; xét tuyển các thí sinh người nước ngoài đủ điều kiện học tập hoặc theo diện cử tuyển.

Đối với môn năng khiếu, lấy kết quả thi của các trường khác hoặc kết quả do Trường Nguyễn Tất Thành tổ chức thi.

3. Các điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ quy định;
- Hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;
- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;
- Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Hoàn thành các học phần Giáo dục quốc phòng - An ninh, Giáo dục thể chất;
- Ngoại ngữ: Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam
- Đạt chứng chỉ Tin học văn phòng (MOS) về các nội dung: Word (W), Excel (E) và Powerpoint (P)
- Đạt các chứng chỉ kỹ năng nghề: Kỹ năng giải quyết vấn đề; Kỹ năng quản lý thời gian; Kỹ năng tìm kiếm công việc; Kỹ năng soạn thảo văn bản.

4. Thang điểm

4.1 Điểm đánh giá quá trình và điểm kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) và được làm tròn đến một chữ số thập phân.

4.2 Điểm học phần được tính từ tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng, được làm tròn tới một chữ số thập phân và xếp loại điểm chữ như dưới đây, trừ các trường hợp được nêu tại điểm d) khoản này.

a) Loại đạt có phân mức, áp dụng cho các học phần được tính vào điểm trung bình học tập, bao gồm:

A: từ 8,5 đến 10

B: từ 7,0 đến 8,4

C: từ 5,5 đến 6,9

D: từ 4,0 đến 5,4

b) Loại đạt không phân mức, áp dụng cho các học phần chỉ yêu cầu đạt, không tính vào điểm trung bình học tập:

P: từ 5,0 trở lên.

c) Loại không đạt:

F: dưới 4,0.

d) Một số trường hợp đặc biệt sử dụng các điểm chữ xếp loại, không được tính vào điểm trung bình học tập:

I: Điểm chưa hoàn thiện do được phép hoãn thi, kiểm tra;

X: Điểm chưa hoàn thiện do chưa đủ dữ liệu;

R: Điểm học phần được miễn học và công nhận tín chỉ.

II. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu đào tạo của chương trình (PEOs)

PEO1: Cử nhân Thiết kế đồ họa có hiểu biết cơ bản và bao quát về thể chế chính trị – xã hội và đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước, có sức khỏe tốt, có nhận thức đầy đủ về trách nhiệm công dân đối với an ninh quốc phòng và sẵn sàng bảo vệ tổ quốc.

PEO2: Cử nhân Thiết kế đồ họa có kiến thức về khoa học cơ bản, có kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành. Hiểu biết rõ về mối liên hệ giữa các khối kiến thức này trong ngành Thiết kế đồ họa.

PEO3: Cử nhân Thiết kế đồ họa biết sử dụng các phần mềm chuyên ngành, ứng dụng công nghệ thông tin và ngoại ngữ vào công việc; Có khả năng vẽ tay, vẽ trang trí mỹ thuật; Minh họa kỹ thuật số; Thiết kế đồ họa ứng dụng với nhận thức đầy đủ về các tác động đến văn hoá - xã hội - kinh tế.

Cử nhân Thiết kế đồ họa có kỹ năng tư duy sáng tạo đồ họa ứng dụng; Kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả; Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình thuyết phục.

PEO4: Cử nhân Thiết kế đồ họa có năng lực nghiên cứu, khảo sát thị trường sản phẩm; Có năng lực triển khai và quản lý, giám sát dự án thiết kế đồ họa, dự án truyền thông quảng cáo và các dự án liên quan chuyên ngành.

PEO5: Cử nhân Thiết kế đồ họa có khả năng học tập, nâng cao trình độ, theo đuổi việc học suốt đời để làm việc hiệu quả trong bối cảnh công nghệ mới liên tục xuất hiện và thay đổi

2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs), Chỉ số đánh giá kết quả thực hiện: Program Performance Criteria (PPC)

Sinh viên tốt nghiệp (SVTN) ngành TKĐH có:

a) Kiến thức			
Kiến thức tổng quát			
PLO1 (K ₁)	Vận dụng hiệu quả các kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học xã hội; kiến thức công nghệ thông tin và kiến thức về chính trị, pháp luật, văn hoá trong thực tế công việc ngành nghề.	PPC-K1.1	Vận dụng các kiến thức khoa học tự nhiên vào việc giải quyết các vấn đề của ngành.
		PPC-K1.2	Vận dụng các kiến thức khoa học xã hội vào việc giải quyết các vấn đề của ngành.
		PPC-K1.3	Vận dụng các kiến thức công nghệ thông tin vào việc giải quyết các vấn đề của ngành.
		PPC-K1.4	Vận dụng các kiến thức về chính trị, pháp luật, xã hội và sự hiểu biết các vấn đề đương đại vào việc giải quyết các vấn đề của ngành.
Kiến thức chuyên môn			
PLO2 (K ₂)	Vận dụng hiệu quả kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành: hình thành ý tưởng thiết kế; Lập kế hoạch thiết kế; Triển khai thiết kế; Quản lý và giám sát dự án thiết kế đồ họa đáp ứng các yêu cầu thực tiễn ngành nghề.	PPC-K2.1	Vận dụng kiến thức cơ sở ngành Thiết kế đồ họa trong thực tế công việc.
		PPC-K2.2	Vận dụng kiến thức chuyên ngành Thiết kế đồ họa vào dự án thiết kế ứng dụng thực tế.
		PPC-K2.3	Vận dụng kiến thức để thiết kế và quản lý, giám sát dự án liên quan đến chuyên ngành Thiết kế đồ họa một cách đầy đủ chính xác.
b) Kỹ năng			
Kỹ năng tổng quát			
PLO3 (S ₁)	Giao tiếp trong bối cảnh thực tiễn đa dạng với nhiều phương thức khác nhau	PPC-S1.1	Giao tiếp lịch sự bằng lời nói, văn bản, đa phương tiện.
		PPC-S1.2	Ứng xử tôn trọng sự khác biệt, sự đa văn hóa đối với cá nhân, tổ chức liên quan trong môi trường giao tiếp đa dạng.
Kỹ năng chuyên môn			
PLO4	Vận dụng tốt ngoại ngữ và công nghệ thông tin các phần mềm	PPC-S2.1	Vận dụng tốt ngoại ngữ chuyên ngành để phục vụ công tác thiết kế, và hoạt động

(S ₂)	chuyên ngành và ứng dụng công nghệ kỹ thuật số, phục vụ công tác thiết kế, nghiên cứu trong hoạt động nghề nghiệp đáp ứng các yêu cầu của ngành thiết kế đồ hoạ.		nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu ngành nghề trong thực tế
		PPC-S2.2	Vận dụng tốt công nghệ thông tin các phần mềm chuyên ngành đồ hoạ và ứng dụng công nghệ kỹ thuật số, phục vụ công tác thiết kế, và hoạt động nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu ngành nghề trong thực tế.
PLO5 (S ₃)	Thực hiện các bản vẽ tay trang trí Thiết kế đồ hoạ; bản vẽ minh hoạ kỹ thuật số Thiết kế đồ hoạ; bản vẽ ứng dụng Thiết kế đồ hoạ và có khả năng tư duy sáng tạo trong quá trình hành nghề.	PPC-S3.1	Thực hiện các bản vẽ tay trang trí Thiết kế đồ hoạ đáp ứng yêu cầu ngành nghề trong thực tế.
		PPC-S3.2	Thực hiện các bản vẽ minh hoạ kỹ thuật số Thiết kế đồ hoạ đáp ứng yêu cầu ngành nghề trong thực tế.
		PPC-S3.3	Thực hiện các bản vẽ ứng dụng Thiết kế đồ hoạ đáp ứng yêu cầu ngành nghề trong thực tế.
PLO6 (S ₄)	Phân tích thị trường ứng dụng Thiết kế đồ hoạ; triển khai thiết kế và quản lý, giám sát dự án thiết kế đồ hoạ đáp ứng yêu cầu thực tiễn.	PPC-S4.1	Phân tích thị trường ứng dụng Thiết kế đồ hoạ đáp ứng yêu cầu ngành nghề trong thực tế.
		PPC-S4.2	Thực hiện triển khai thiết kế: Thiết kế xây dựng thương hiệu; Thiết kế bao bì sản phẩm; Thiết kế sự kiện; Thiết kế quảng cáo; Thiết kế dàn trang đáp ứng yêu cầu ngành nghề trong thực tế.
		PPC-S4.3	Thực hiện quản lý, giám sát các dự án thiết kế đồ hoạ ứng dụng đáp ứng yêu cầu ngành nghề trong thực tế.
c) Mức tự chủ và trách nhiệm			
PLO7 (A ₁)	Tuân thủ pháp luật, thể hiện sự hiểu biết về các chuẩn mực đạo đức và trách nhiệm xã hội	PPC-A1.1	Thực hiện các quy định của pháp luật, kỷ luật lao động và trách nhiệm xã hội.
		PPC-A1.2	Chia sẻ với đồng nghiệp về các quy định liên quan tới pháp luật, kỷ luật lao động, đạo đức nghề nghiệp để hướng tới sự phát triển chung
PLO8 (A ₂)	Thích ứng với sự thay đổi trong nhiều bối cảnh, định hướng tương lai rõ ràng, thể hiện động cơ khởi nghiệp và học tập suốt đời.	PPC-A2.1	Xác định năng lực của bản thân trong nhiều bối cảnh nghề nghiệp
		PPC-A2.2	Chủ động tham gia học tập, bồi dưỡng kiến thức để đáp ứng yêu cầu công việc
		PPC-A2.3	Đề ra các ý tưởng khởi nghiệp

III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Nguyên tắc thiết kế chương trình đào tạo (Program Ideas)

- Chương trình đào tạo được thiết kế, cải tiến phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, chiến lược phát triển Trường, Khoa/Viện theo từng giai đoạn;
- Chương trình đào tạo được thiết kế, cải tiến trên cơ sở kết quả thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan;
- Chú trọng tính quốc tế hóa trong thiết kế, cải tiến chương trình đào tạo;
- Chương trình đào tạo được Hội đồng khoa học và đào tạo Trường, Khoa xét duyệt thông qua.

2. Mối liên hệ của các học phần với mục tiêu đào tạo

Mục tiêu (PEOs)	Học phần (HP)			Thời lượng	
	Tên học phần	Số tín chỉ	Số lượng HP	Số tín chỉ	Tỷ lệ (%)/ tổng tín chỉ
PEO1	Triết học Mác - Lê nin	3	6	13	8,66 %
	Kinh tế Chính trị Mác - Lê nin	2			
	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2			
	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2			
	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			
	Pháp luật đại cương	2			
PEO2 PEO3	Anh văn cấp độ 1	3	27	74	49,33 %
	Anh văn cấp độ 2	3			
	Anh văn cấp độ 3	3			
	Anh văn cấp độ 4	3			
	Nhập môn Internet và E - learning	2			
	Tự chọn (chọn 1 môn)	2			
	Kỹ thuật số và đổi mới sáng tạo				
	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			
	Nhập môn nghệ thuật thiết kế đồ họa				
	Hình họa cơ bản 1	3			
	Hình họa cơ bản 2	3			
	Hình họa chuyên ngành	3			
	Cơ sở tạo hình 1 (màu sắc & cách điệu hoa lá, động vật)	3			
	Cơ sở tạo hình 2 (tạo hình biểu tượng)	3			
	Cơ sở tạo hình 3 (tạo hình kỹ thuật số cơ bản)	3			

Mục tiêu (PEOs)	Học phần (HP)			Thời lượng				
	Tên học phần	Số tín chỉ	Số lượng HP	Số tín chỉ	Tỷ (%)/ tổng chỉ			
	Thực tế (ký họa phong cảnh, kiến trúc)	2						
	Nguyên lý thiết kế đồ họa	3						
	Nhiếp ảnh	3						
	Nghệ thuật chữ (Calligraphy)	2						
	Mình họa	3						
	Marketing và thương hiệu	2						
	Tiếng Anh chuyên ngành	2						
	Tin học chuyên ngành 1 (AI)	3						
	Tin học chuyên ngành 2 (Photoshop căn bản)	3						
	Tin học chuyên ngành 3 (Photoshop nâng cao)	3						
	Tin học chuyên ngành 4 (In Design)	3						
	Tin học chuyên ngành 5 (Thiết kế giao diện web)	3						
	Vẽ kỹ thuật số (Digital painting)	2						
	Tự chọn (chọn 2 môn)							
Mỹ Thuật học	4							
Lịch sử văn minh thế giới								
Kỹ thuật in & chế bản								
Kỹ thuật đồ họa								
PEO3 PEO4 PEO5	Ý tưởng thiết kế	2	19	53	36,66 %			
	Thiết kế Catalogue và Brochure	2						
	Thiết kế tên thương hiệu	2						
	Mình họa phân cảnh quảng cáo	2						
	Hồ sơ năng lực thiết kế	2						
	Đồ án chuyên ngành 1 (mình họa sách, truyện)	3						
	Đồ án chuyên ngành 2 (Thiết kế Poster & printad)	3						
	Đồ án chuyên ngành 3 (Thiết kế nhân vật)	3						
	Đồ án chuyên ngành 4 (Thiết kế Logo & hệ thống nhận diện)	3						

Mục tiêu (PEOs)	Học phần (HP)			Thời lượng	
	Tên học phần	Số tín chỉ	Số lượng HP	Số tín chỉ	Tỷ (%)/ tổng chỉ
	Đồ án chuyên ngành 5 (Thiết kế bao bì sản phẩm)	3			
	Đồ án chuyên ngành 6 (Thiết kế Artbook)	3			
	Đồ án chuyên ngành 7 (Thiết kế sự kiện)	3			
	Đồ án chuyên ngành 8 (Tiền tốt nghiệp - CIP)	3			
	Thực tập nhận thức nghề	2			
	Thực tập tốt nghiệp	4			
	Đề cương tốt nghiệp	2			
	Đồ án tốt nghiệp	7			
	Thiết kế quảng cáo	2			
	Thiết kế linh vật	2			
	Tự chọn (chọn 1 môn)	2			
	Thiết kế lịch và thiệp				
	Thiết kế tranh cổ động				
PEO5	Kỹ năng giao tiếp	2	4	8	5,3 %
	Kỹ năng giao tiếp (HP2)	2			
	Khởi nghiệp	2			
	Tư duy sáng tạo thiết kế	2			

3. Tóm tắt các khối lượng kiến thức

Kiến thức toàn khóa học: **150** tín chỉ (Không bao gồm GDTC, GDQP)

Trong đó:

- Kiến thức giáo dục đại cương:	13 tín chỉ	Tỉ lệ: 8,66 %
- Kiến thức khoa học cơ bản:	22 tín chỉ	Tỉ lệ: 14,66 %
- Kiến thức chuyên nghiệp:	115 tín chỉ	Tỉ lệ: 76,66 %
+ Kiến thức cơ sở ngành:	41 tín chỉ	Tỉ lệ: 27,3 %
+ Kiến thức cốt lõi ngành:	61 tín chỉ	Tỉ lệ: 40,6 %
+ Thực tập (Nhận thức & Tốt nghiệp):	6 tín chỉ	Tỉ lệ: 4,0 %
+ Đồ án tốt nghiệp (GD2):	7 tín chỉ	Tỉ lệ: 4,66 %

4. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã số	Tên học phần (HP)	Tín chỉ	Số tiết			HP học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá
				LT	TH	Tự học			
I	KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG		13						
1	075580	Triết học Mác - Lê nin	3	45	0	90		Thuyết giảng/E-learning	Bài thi tự luận
2	075581	Kinh tế Chính trị Mác - Lê nin	2	30	0	60	075580(a)	Thuyết giảng/E-learning	Bài thi tự luận
3	075582	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2	30	0	60	075580(a) 075581(a)	Thuyết giảng/E-learning	Bài thi tự luận
4	075583	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2	30	0	60	075580(a) 075584(a)	Thuyết giảng/E-learning	Bài thi tự luận
5	075584	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	60	075580(a) 075581(a) 075582(a)	Thuyết giảng/E-learning	Bài thi tự luận
6	070011	Pháp luật đại cương	2	30	0	60		Thuyết giảng/E-learning	Bài thi tự luận
7	070023	Giáo dục thể chất	5	15	90	--		Mô phỏng/ thực hành	Bài thi thực hành
8	076580	Giáo dục quốc phòng và an ninh	8	77	72	--		Mô phỏng/ thực hành	Bài thi thực hành
II	KIẾN THỨC KHOA HỌC CƠ BẢN		22						

TT	Mã số	Tên học phần (HP)	Tín chỉ	Số tiết			HP học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá
				LT	TH	Tự học			
	Bắt buộc		20						
9	070006	Kỹ năng giao tiếp	2	30	0	60		Thuyết giảng (TG) & thực hành (TH)	
10	070007	Kỹ năng giao tiếp (HP2)	2	30	0	60	070006(a)	TG&TH	
11	073513	Khởi nghiệp	2	30	0	60		TG&TH	
12	074920	Nhập môn Internet và E - learning	2	30	0	60		TG&TH	
13	076721	Anh văn cấp độ 1	3	30	30	90		TG&TH	
14	076722	Anh văn cấp độ 2	3	30	30	90	076721(a)	TG&TH	
15	076723	Anh văn cấp độ 3	3	30	30	90	076722(a)	TG&TH	
16	076724	Anh văn cấp độ 4	3	30	30	90	076723(a)	TG&TH	
	Tự chọn:		2						
17	071642	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	30	0	60		TG	
18	076625	Kỹ năng số và đổi mới sáng tạo	2	15	30	60		TG&TH	
III	KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP		115						
III.1	Kiến thức cơ sở ngành		41						
	Bắt buộc:		37						
19	073470	Nhập môn nghệ thuật thiết kế đồ họa	2	15	30	60		TG và TH	Bài thi thực hành (BTTH)
20	077216	Hình họa cơ bản 1	3	15	60	90		TG&TH	BTTH

BM12_XDCT_Chương trình đào tạo

TT	Mã số	Tên học phần (HP)	Tín chỉ	Số tiết			HP học trước (a), song hành (c), quyết (b)	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá
				LT	TH	Tự học			
21	077217	Hình họa cơ bản 2	3	15	60	90	077216 (a)	TG&TH	BTTH
22	077218	Hình họa chuyên ngành	3	15	60	90	077217 (a)	TG&TH	BTTH
23	077219	Cơ sở tạo hình 1 (màu sắc & cách điệu hoa lá, động vật)	3	15	60	90		TG&TH	BTTH
24	077221	Cơ sở tạo hình 2 (tạo hình biểu tượng)	3	15	60	90	077219 (a)	TG&TH	BTTH
25	077220	Cơ sở tạo hình 3 (tạo hình kỹ thuật số cơ bản)	3	15	60	90	077221 (a)	TG&TH	BTTH
26	070544	Nguyên lý thiết kế đồ họa	3	15	60	90		TG&TH	BTTH
27	077222	Thực tế (ký họa phong cảnh, kiến trúc)	2	0	60	60		TH	Bài tập lớn (BLT)
28	077223	Nghệ thuật chữ (calligraphy)	2	0	60	60			BTTH
29	073277	Nhiếp ảnh	3	15	60	90		TH	BTTH
30	077224	Nghệ thuật minh họa	3	15	60	90	077220(a)	TH	BTTH
31	077225	Marketing và thương hiệu	2	15	30	60		TG&TH	BTTH
32	077226	Tư duy sáng tạo trong thiết kế	2	30	0	60		TG&TH	BTTH
	Tự chọn:		4						
33	071950	Mỹ Thuật học	2	30	0	60		TG	BTTH
34	070669	Lịch sử văn minh thế giới	2	30	0	60		TG	
35	077228	Kỹ thuật in chuyên ngành	2	0	60	60		TH	BTTH
36	071949	Kỹ thuật đồ họa	2	0	60	60		TH	BTTH
III.2	Kiến thức chuyên ngành		59						

TT	Mã số	Tên học phần (HP)	Tín chỉ	Số tiết			HP học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá
				LT	TH	Tự học			
	Bắt buộc:		55						
37	070548	Tin học chuyên ngành 1 (AI)	3	15	60	90		TG&TH	BTTH
38	070549	Tin học chuyên ngành 2 (PS căn bản)	3	15	60	90		TG&TH	BTTH
39	070550	Tin học chuyên ngành 3 (PS nâng cao)	3	15	60	90	070549(a)	TG&TH	BTTH
40	077863	Tin học chuyên ngành 4 (Indesign)	3	15	60	90	070550(a)	TG&TH	BTTH
41	077229	Tin học chuyên ngành 5 (Thiết kế giao diện Web)	3	15	60	90			BTTH
42	077230	Vẽ kỹ thuật số (Digital painting)	2	0	60	60	070549(a)	TG&TH	BTTH
43	077231	Tiếng Anh chuyên ngành	2	15	30	60		TG&TH	BTTH
44	077232	Ý tưởng thiết kế	2	0	60	60		TG&TH	BTTH
45	077233	Thiết kế tên thương hiệu (Brandname)	2	0	60	60		TH	BTTH
46	077234	Thiết kế Catalogue và Brochure	2	0	60	60		TH	BTTH
47	077243	Thiết kế linh vật	2	0	60	90	077230(a)	TH	BTTH
48	077244	Thiết kế quảng cáo	2	0	60	90	070550(a)	TH	BTTH
49	077235	Mình họa phân cảnh quảng cáo	2	0	60	60		TH	BTTH
50	073851	Hồ sơ năng lực thiết kế	2	15	30	60		TH	BTTH
51	077236	Đồ án chuyên ngành 1 (mình họa sách, truyện)	3	15	60	90		TH	BTL
52	077273	Đồ án chuyên ngành 2 (Thiết kế Poster & printad)	3	15	60	90	070550(a)	TH	BTL
53	077107	Đồ án chuyên ngành 3 (Thiết kế nhân vật)	3	15	60	90	077230(a)	TH	BTL

BM12_XDCT_Chương trình đào tạo

TT	Mã số	Tên học phần (HP)	Tín chỉ	Số tiết			HP học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)	Phương pháp giảng dạy	Phương pháp đánh giá
				LT	TH	Tự học			
54	077237	Đồ án chuyên ngành 4 (Thiết kế Logo & hệ thống nhận diện)	3	15	60	90		TH	BTL
55	077272	Đồ án chuyên ngành 5 (Thiết kế bao bì sản phẩm)	3	15	60	90		TH	BTL
56	077238	Đồ án chuyên ngành 6 (Thiết kế tạp chí; artbook)	3	15	60	90		TH	BTL
57	077239	Đồ án chuyên ngành 7 (Thiết kế đồ họa sự kiện)	3	15	60	90		TH	BTL
58	077240	Đồ án chuyên ngành 8 (Tiền tốt nghiệp - CIP)	3	0	90	90		TH	BTL
59	074111	Đề cương tốt nghiệp	2	15	30	60		TG&TH	BTL
	Tự chọn:		2						
60	077241	Thiết kế lịch và thiệp	2	0	60	60	077230(a)	TH	BTTH
61	077242	Thiết kế tranh cổ động	2	0	60	60	077230(a)	TH	BTTH
IV	TỐT NGHIỆP		13						
62	077108	Thực tập nhận thức nghề	2	0	60	60		TH	BTL
63	077905	Thực tập tốt nghiệp	4	0	120	120		TH	BTL
64	077245	Đồ án tốt nghiệp	7	0	210	210		TH	BTL

5. Phân bổ tiến độ giảng dạy các học phần dự kiến

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ	Mã môn học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)
HỌC KỲ 1			16	
1	073470	Nhập môn nghệ thuật thiết kế đồ họa	2	
2	070548	Tin học chuyên ngành 1 (AI)	3	

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ	Mã môn học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)
3	077216	Hình họa cơ bản 1	3	
4	077219	Cơ sở tạo hình 1 (màu sắc & cách điệu hoa lá, động vật)	3	
5	076721	Anh văn cấp độ 1	3	
6	074920	Nhập môn Internet và E - learning	2	
7	076580	Giáo dục quốc phòng và an ninh	8	
HỌC KỲ 2			17	
1	076722	Anh văn cấp độ 2	3	076721 (a)
2	075580	Triết học Mác - Lê nin	3	
3	077217	Hình họa cơ bản 2	3	077216 (a)
4	077221	Cơ sở tạo hình 2 (tạo hình biểu tượng)	3	077219 (a)
5	070544	Nguyên lý thiết kế đồ họa	3	
6	070006	Kỹ năng giao tiếp	2	
HỌC KỲ 3			16	
1	070007	Kỹ năng giao tiếp (HP2)	2	070006 (a)
2	075581	Kinh tế Chính trị Mác - Lê nin	2	075580 (a)
3	070549	Tin học chuyên ngành 2 (PS căn bản)	3	
4	077220	Cơ sở tạo hình 3 (tạo hình kỹ thuật số cơ bản)	3	077221 (a)
5	076723	Anh văn cấp độ 3	3	076722 (a)
6	077218	Hình họa chuyên ngành	3	077217 (a)
7	070023	Giáo dục thể chất	5	
HỌC KỲ 4			14	
1	076724	Anh văn cấp độ 4	3	076723 (a)
2	075582	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	2	075580(a) 075581(a)
3	077224	Nghệ thuật minh họa	3	077220 (a)
4	077222	Thực tế (ký họa phong cảnh, kiến trúc)	2	
5	077223	Nghệ thuật chữ (Calligraphy)	2	
6	Tự chọn		2	
	076625	Kỹ năng số và đổi mới sáng tạo	2	
	070669	Lịch sử văn minh thế giới	2	
HỌC KỲ 5			12	

BM12_XDCT_Chương trình đào tạo

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ	Mã môn học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)
1	075583	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2	075580(a) 075584(a)
2	077236	Đồ án chuyên ngành 1 (Minh họa sách, truyện)	3	
3	077230	Vẽ kỹ thuật số (Digital painting)	2	070549 (a)
4	070550	Tin học chuyên ngành 3 (PS nâng cao)	3	070549 (a)
5	Tự chọn		2	
	071950	Mỹ Thuật học	2	
	071642	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	
HỌC KỲ 6			14	
1	075584	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	075580(a) 075581(a) 075582(a)
2	073277	Nhiếp ảnh	3	
3	077273	Đồ án chuyên ngành 2 (Thiết kế Poster & printad)	3	070550(a)
4	077226	Tư duy sáng tạo trong thiết kế	2	
5	077235	Minh họa phân cảnh quảng cáo	2	
6	Tự chọn		2	
	077241	Thiết kế Lịch và Thiệp	2	077230(a)
	077242	Thiết kế tranh cổ động	2	077230(a)
HỌC KỲ 7			12	
1	077863	Tin học chuyên ngành 4 (In Design)	3	070550(a)
2	077231	Tiếng Anh chuyên ngành	2	
3	077243	Thiết kế linh vật	2	077230(a)
4	077107	Đồ án chuyên ngành 3 (Thiết kế nhân vật)	3	077230(a)
5	077234	Thiết kế Catalogue và Brochure	2	
HỌC KỲ 8			11	
1	077232	Ý tưởng thiết kế	2	
2	077237	Đồ án chuyên ngành 4 (Thiết kế Logo & hệ thống nhận diện)	3	
3	073513	Khởi nghiệp	2	
4	077225	Marketing và thương hiệu	2	
5	Tự chọn		2	

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ	Mã môn học trước (a), song hành (c), tiên quyết (b)
	077228	Kỹ thuật in chuyên ngành	2	
	071949	Kỹ thuật đồ họa	2	
HỌC KỲ 9			12	
1	077233	Thiết kế tên thương hiệu (Brandname)	2	
2	077272	Đồ án chuyên ngành 5 (Thiết kế bao bì)	3	
3	077244	Thiết kế quảng cáo	2	070550(a)
4	077229	Tin học chuyên ngành 5 (Thiết kế giao diện Web)	3	
5	070011	Pháp luật đại cương	2	
HỌC KỲ 10			10	
1	077108	Thực tập nhận thức nghề	2	
2	077238	Đồ án chuyên ngành 6 (Thiết kế tạp chí; Artbook)	3	
3	077239	Đồ án chuyên ngành 7 (Thiết kế đồ họa sự kiện)	3	
4	073851	Hồ sơ năng lực thiết kế	2	
HỌC KỲ 11			9	
1	077905	Thực tập tốt nghiệp	4	
2	077240	Đồ án chuyên ngành 8 (Tiền tốt nghiệp - CIP)	3	
3	074111	Đề cương tốt nghiệp	2	
HỌC KỲ 12			7	
1	077245	Đồ án tốt nghiệp	7	

Lưu ý:

Tiến độ học tập theo phân bổ này là định hướng để sinh viên lập kế hoạch học tập. Thực tế sinh viên có thể lựa chọn đăng ký học phần học tập theo nhu cầu cá nhân trên cơ sở đáp ứng các điều kiện về học phần theo quy định.

6. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

I (Introduce): Học phần dạy kiến thức và/ hay kỹ năng cho người học ở mức đơn giản làm cơ sở cho việc đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;

P (Practice): Học phần dạy kiến thức và/ hay kỹ năng cho người học ở mức cơ bản hay **nâng cao**;

M (Master): Học phần dạy kiến thức và/ hay kỹ năng cho người học ở mức **nâng cao**, đóng góp quan trọng cho việc đạt được chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ (LT-TH)	Lộ trình học tập	Kiến thức tổng quát				Kiến thức chuyên môn		Kỹ năng tổng quát	Kỹ năng chuyên môn						Mức độ tự chủ trách nhiệm											
					PLO1 (K1)				PLO2 (K2)			PLO3 (S1)	PLO4 (S2)		PLO5 (S3)		PLO6 (S4)		PLO7 (A1)	PLO8 (A2)									
					PPC K1.1	PPC K1.2	PPC K1.3	PPC K1.4	PPC K2.1	PPC K2.2			PPC K2.3	PPC S1.1	PPC S1.2	PPC S2.1	PPC S2.2	PPC S3.1		PPC S3.2	PPC S3.3	PPC S4.1	PPC S4.2	PPC S4.3	PPC A1.1	PPC A1.2	PPC A2.1	PPC A2.2	PPC A2.3
HỌC KỲ 1																													
1	073470	Nhập môn nghệ thuật thiết kế đồ hoạ	2(1, 1)	HK1	I	I	I	I				I	I													I			
2	070548	Tin học chuyên ngành 1 (AI)	3(1, 2)	HK1	I		I		I			I	I	I	I												I		
3	077216	Hình họa cơ bản 1	3(1, 2)	HK1	I	I			I			I	I																
4	077219	Cơ sở tạo hình 1 (màu sắc & cách điệu hoa lá, ...)	3(1, 2)	HK1	I	I			I				I	I	I												I	I	
5	076721	Anh văn cấp độ 1 (AV1)	3(2, 1)	HK1		I						I	I														I	I	
6	074920	Nhập môn Internet	2(2, 0)	HK1			I	I				I	I														I	I	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ (LT-TH)	Lộ trình học tập	Kiến thức tổng quát			Kiến thức chuyên môn		Kỹ năng tổng quát	Kỹ năng chuyên môn						Mức độ tự chủ trách nhiệm																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																														
					PLO1 (K1)			PLO2 (K2)			PLO3 (S1)	PLO4 (S2)	PLO5 (S3)			PLO6 (S4)	PLO7 (A1)	PLO8 (A2)																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																													
					PPC K1.1	PPC K1.2	PPC K1.3	PPC K1.4	PPC K2.1	PPC K2.2			PPC K2.3	PPC S1.1	PPC S1.2				PPC S2.1	PPC S2.2	PPC S3.1	PPC S3.2	PPC S3.3	PPC S4.1	PPC S4.2	PPC S4.3	PPC A1.1	PPC A1.2	PPC A2.1	PPC A2.2	PPC A2.3																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																
7	076580	Giáo dục quốc phòng và an ninh và E-learning	8(6, 2)	HK1				I																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																							

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ (LT-TH)	Lộ trình học tập	Kiến thức tổng quát			Kiến thức chuyên môn		Kỹ năng tổng quát	Kỹ năng chuyên môn					Mức độ tự chủ trách nhiệm												
					PLO1 (K1)			PLO2 (K2)	PLO3 (S1)		PLO4 (S2)	PLO5 (S3)	PLO6 (S4)	PLO7 (A1)	PLO8 (A2)													
					PPC K1.1	PPC K1.2	PPC K1.3			PPC K1.4						PPC K2.1	PPC K2.2	PPC K2.3	PPC S1.1	PPC S1.2	PPC S2.1	PPC S2.2	PPC S3.1	PPC S3.2	PPC S3.3	PPC S4.1	PPC S4.2	PPC S4.3
4	077220	Cơ sở tạo hình 3 (tạo hình KTS cơ bản)	3(1, 2)	HK3	I	I		I		I	I	I													I	I		
5	073501	Anh văn cấp độ 3 (AV2)	3(2, 1)	HK3	P					P	P															P	P	
6	077218	Hình họa chuyên ngành	3(1, 2)	HK3	I	I		P		I	I	I		P												I	I	
7	070023	Giáo dục thể chất (*)	5(1, 4)	HK3	I					I	I														I	I		
HỌC KỲ 4																												
1	073502	Anh văn cấp độ 4 (AV2)	3(2, 1)	HK4	P					P	P															P	P	
2	075582	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2(2, 0)	HK4			P			P	P															P	P	
3	077224	Nghệ thuật minh họa	3(1, 2)	HK4	I	I	I	P	P	I	I	I	I	P	P	P	P								I	I	I	
4	077222	Thực tế (kỹ họa phong cảnh, kiến trúc)	2(0, 2)	HK4	P	P		P		I	I			P	P	I									I	I	I	
5	077223	Nghệ thuật chữ (Calligraphy)	2(0, 2)	HK4	I	I	I	P	P	I	I	I	I	P	P	P	P								I	I	I	
TỰ CHỌN																												

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ (LT-TH)	Lộ trình học tập	Kiến thức tổng quát			Kiến thức chuyên môn		Kỹ năng tổng quát	Kỹ năng chuyên môn								Mức độ tự chủ trách nhiệm																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																														
					PLO1 (K1)			PLO2 (K2)			PLO3 (S1)	PLO4 (S2)	PLO5 (S3)		PLO6 (S4)		PLO7 (A1)	PLO8 (A2)																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																															
					PPC K1.1	PPC K1.2	PPC K1.3	PPC K1.4	PPC K2.1				PPC K2.2	PPC K2.3	PPC S1.1	PPC S1.2			PPC S2.1	PPC S2.2	PPC S3.1	PPC S3.2	PPC S3.3	PPC S4.1	PPC S4.2	PPC S4.3																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																							
6	076625	Kỹ năng số và đổi mới sáng tạo	2(1, 1)	HK4																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																													

BM12_XDCT_Chương trình đào tạo

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ (LT-TH)	Lộ trình học tập	Kiến thức tổng quát			Kiến thức chuyên môn			Kỹ năng tổng quát	Kỹ năng chuyên môn					Mức độ tự chủ trách nhiệm																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																		
												PLO1 (K1)	PLO2 (K2)	PLO3 (S1)	PLO4 (S2)	PLO5 (S3)					PLO6 (S4)	PLO7 (A1)	PLO8 (A2)																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																												
					PPC K1.1	PPC K1.2	PPC K1.3	PPC K1.4	PPC K2.1	PPC K2.2		PPC K2.3	PPC S1.1	PPC S1.2	PPC S2.1	PPC S2.2	PPC S3.1	PPC S3.2	PPC S3.3	PPC S4.1	PPC S4.2	PPC S4.3	PPC A1.1	PPC A1.2	PPC A2.1	PPC A2.2	PPC A2.3																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																								
HỌC KỲ 6																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																			
1	075584	Tư tưởng HCM	2(2, 0)	HK6				P				P	P																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																						

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tin chỉ (LT-TH)	Lộ trình học tập	Kiến thức tổng quát				Kiến thức chuyên môn		Kỹ năng tổng quát	Kỹ năng chuyên môn						Mức độ tự chủ trách nhiệm																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																
					PLO1 (K1)				PLO2 (K2)			PLO3 (S1)	PLO4 (S2)	PLO5 (S3)			PLO6 (S4)			PLO7 (A1)	PLO8 (A2)																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																													
					PPC K1.1	PPC K1.2	PPC K1.3	PPC K1.4	PPC K2.1	PPC K2.2	PPC K2.3			PPC S1.1	PPC S1.2	PPC S2.1	PPC S2.2	PPC S3.1	PPC S3.2			PPC S3.3	PPC S4.1	PPC S4.2	PPC S4.3	PPC A1.1	PPC A1.2	PPC A2.1	PPC A2.2	PPC A2.3																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																				
3	077107	Đồ án chuyên ngành 3 (thiết kế nhân vật)	3(1, 2)	HK7	P	P	P	P	M	M	P	P	P	P	M	M	M	M	M	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P	P

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ (LT-TH)	Lộ trình học tập	Kiến thức tổng quát			Kiến thức chuyên môn	Kỹ năng tổng quát	Kỹ năng chuyên môn						Mức độ tự chủ trách nhiệm																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																														
					PLO1 (K1)					PLO2 (K2)	PLO3 (S1)	PLO4 (S2)	PLO5 (S3)		PLO6 (S4)	PLO7 (A1)	PLO8 (A2)																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																													
					PPC K1.1	PPC K1.2	PPC K1.3						PPC K1.4	PPC S3.1				PPC S3.2	PPC S3.3																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																											
	077228	Kỹ thuật in chuyên ngành	2(0, 2)	HK8				I																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																						

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tín chỉ (LT-TH)	Lộ trình học tập	Kiến thức tổng quát				Kiến thức chuyên môn				Kỹ năng tổng quát	Kỹ năng chuyên môn						Mức độ tự chủ trách nhiệm								
					PLO1 (K1)				PLO2 (K2)					PLO3 (S1)	PLO4 (S2)	PLO5 (S3)			PLO6 (S4)			PLO7 (A1)	PLO8 (A2)					
					PPC K1.1	PPC K1.2	PPC K1.3	PPC K1.4	PPC K2.1	PPC K2.2	PPC K2.3	PPC S1.1	PPC S1.2			PPC S2.1	PPC S2.2	PPC S3.1	PPC S3.2	PPC S3.3	PPC S4.1			PPC S4.2	PPC S4.3	PPC A1.1	PPC A1.2	PPC A2.1
3	077239	Đồ án chuyên ngành 7 (Thiết kế sự kiện, triển lãm)	3(1, 2)	HK10	P	P	P	P	M	M	M	P	P	M	M	M	M	M	M	M	P	P	P	P	P	P	P	P
4	073851	Hồ sơ năng lực thiết kế	2(1, 1)	HK10	P	P	P		P	P	P	P	P	P	P								I	I	P	P		
HỌC KỲ 11																												
1	071094	Thực tập tốt nghiệp	4(0, 4)	HK11	P	P	P	P	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	P	P	P	P	P	P	P	P
2	077240	Đồ án chuyên ngành 8 (Tiền tốt nghiệp - CIP)	3(0, 3)	HK11	P	P	P		M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	P	P	P	P	P	P	P	P
3	074111	Đề cương tốt nghiệp	2(1, 1)	HK11	P	P	P	P	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	P	P	P	P	P	P	P	P
HỌC KỲ 12																												
1	077245	Đồ án tốt nghiệp	7(0,7)	HK12	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M

7. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần

7.1 Triết học Mác - Lê nin (3 tín chỉ)

Nội dung: Học phần nghiên cứu hệ thống quan điểm và học thuyết khoa học của C. Mác, Ph. Ăngghen và V.I. Lênin về triết học, một trong ba bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác - Lênin. Nội dung học phần được cấu trúc thành ba phần, tương ứng với sáu bài học. Phần mở đầu khái lược về triết học, Triết học Mác - Lênin và vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội; Phần thứ hai: Chủ nghĩa duy vật biện chứng; Phần thứ ba: Chủ nghĩa duy vật lịch sử.

7.2 Kinh tế chính trị Mác – Lênin: 2 tín chỉ

Nội dung: Học phần Kinh tế chính trị Mác - Lênin được xây dựng với 6 chương. Trong đó, chương 1 trình bày đối tượng, phương pháp nghiên cứu và các chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin; chương 2, 3, 4, trình bày các vấn đề về hàng hóa và thị trường, sản xuất giá trị thặng dư, cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; chương 5, chương 6 gồm kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ở Việt Nam trong thời kỳ quá độ.

7.3 Chủ nghĩa Xã hội khoa học: 2 tín chỉ

Nội dung: Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học được xây dựng với 7 chương: Chương 1 trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của chủ nghĩa xã hội khoa học (quá trình hình thành, phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học). Từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung của chủ nghĩa xã hội khoa học theo mục tiêu học phần.

7.4 Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam: 2 tín chỉ

Nội dung: Học phần cung cấp cho sinh viên, học viên những hiểu biết cơ bản có hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên những hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

7.5 Tư tưởng Hồ Chí Minh: 2 tín chỉ

Nội dung: Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh bao gồm 6 chương học trình bày các kiến thức tổng quan về đối tượng, phương pháp nghiên cứu cũng như khái niệm, nguồn gốc hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh; tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và chủ nghĩa xã hội, tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản và nhà nước Việt Nam, về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế, về văn hoá, đạo đức con người.

7.6 Kỹ năng giao tiếp: 2 tín chỉ

Nội dung: Học phần “Kỹ năng giao tiếp” cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về tư duy giao tiếp xã hội và kỹ năng giao tiếp cơ bản trong hoạt động nghề nghiệp xã hội. Người học nắm vững những vấn đề khoa học cơ bản về tâm lý giao tiếp và nguyên tắc giao tiếp có hiệu quả trong hoạt động thuyết trình, phỏng vấn xin việc làm chuyên nghiệp, phân tích đánh giá bản thân, để hình thành tính chủ động, năng động, tự tin trong quá trình lập

ng nghiệp và học tập suốt đời. Biết vận dụng có hiệu quả các kỹ năng lắng nghe, ứng xử, điều hành, giải quyết vấn đề và kỹ năng sống trong giao tiếp khách hàng, đồng nghiệp thông qua các yếu tố ngôn ngữ nói, viết và ngôn ngữ cơ thể phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội và môi trường xung quanh.

7.7 Kỹ năng giao tiếp (HP2): 2 tín chỉ

Nội dung: Cung cấp những kiến thức về giao tiếp trong cuộc sống nói chung và công việc nói riêng. Học phần Kỹ năng giao tiếp giới thiệu cho sinh viên những nguyên lý giao tiếp hiệu quả, để từ đó ứng dụng các nguyên lý này vào các kỹ năng viết và nói. Cụ thể sinh viên sẽ biết vận dụng các nguyên lý giao tiếp hiệu quả vào việc đón tiếp khách, trực tiếp hay qua điện thoại, biết soạn email hay các loại thư giao dịch. Sinh viên cũng sẽ biết làm việc theo nhóm, biết chuẩn bị một bài thuyết trình và biết thuyết trình trước lớp. Sinh viên cũng sẽ học chuẩn bị một bộ hồ sơ xin việc hiệu quả.

7.8 Giáo dục thể chất: 5 tín chỉ

Nội dung: chương trình Giáo dục thể chất tập trung vào 2 phần cơ bản là bóng chuyền và bóng đá. Toàn bộ chương trình được cấu trúc gồm lý thuyết chung, lý thuyết môn học và nội dung thực hành cung cấp những kiến thức, kỹ năng cơ bản cho sinh viên.

7.9 Giáo dục quốc phòng và an ninh: 8 tín chỉ - 165 tiết

Nội dung: Môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh trang bị kiến thức cơ bản về chủ trương, đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng, Nhà nước về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; kiến thức về chủ nghĩa xã hội; kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh trong tình hình mới. Đồng thời cung cấp kiến thức về điều lệnh đội ngũ từng người có súng, kiến thức về đội ngũ đơn vị; kiến thức chung về các quân binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam; giới thiệu về bản đồ quân sự; cách thức phòng tránh dịch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao. Trang bị kỹ năng cơ bản về kỹ thuật chiến đấu bộ binh, chiến thuật từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ canh gác; thực hành sử dụng súng tiểu liên AK, lựu đạn.

Nội dung chương trình Giáo dục quốc phòng và An ninh ban hành kèm theo Quyết định số 791/QĐ-NTT ngày 19/11/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nguyễn Tất Thành.

7.10 Khởi nghiệp: 2 tín chỉ

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, kỹ năng về lập kế hoạch hàng năm cho các bộ phận trong công ty và lập dự án khởi nghiệp, như: tổng quan về kế hoạch kinh doanh, nội dung và quá trình lập kế hoạch kinh doanh, thu thập thông tin, kế hoạch tiếp thị, kế hoạch sản xuất, kế hoạch nhân sự, kế hoạch tài chính, phân tích rủi ro trong lập kế hoạch kinh doanh, đánh giá kế hoạch kinh doanh và các vấn đề thực tiễn, triển khai một kế hoạch kinh doanh mẫu.

7.11 Nhập môn Internet và E - learning: 2 tín chỉ

Nội dung: Môn học "Nhập môn Internet và E-Learning" trang bị cho người học các kiến thức và kỹ năng về Internet, cách thức sử dụng các dịch vụ trên internet để phục vụ cho công tác học tập, nghiên cứu và tự học. Qua môn học này người học hiểu và vận dụng được hình thức học tập trực tuyến (E-Learning) để phục vụ cho việc tự học và tham gia các loại hình đào tạo qua môi trường Internet. Môn học này cũng cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản của Luật An ninh mạng của Nhà nước nhằm trang bị cho sinh viên sự hiểu biết

về Luật An Ninh Mạng để hạn chế việc vi phạm trong quá trình học tập nghiên cứu qua môi trường Internet.

7.12 Anh văn cấp độ 1: 3 tín chỉ

Nội dung: Tiếng Anh tổng quát 1 được giảng dạy cho sinh viên hệ Anh Văn không chuyên gồm 06 bài đầu của giáo trình World English 2 (60 tiết) và học online với nội dung do TTNN biên soạn. Cấp học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tiếng Anh cơ bản ở mức độ nâng cao, giúp sinh viên rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và thực hành các tình huống giao tiếp với các chủ đề thông thường về “bản thân, sở thích cá nhân, làm quen kết bạn, sức khỏe, lối sống, cột mốc quan trọng trong đời”.

7.13 Anh văn cấp độ 2: 3 tín chỉ

Nội dung: Tiếng Anh tổng quát 2 được giảng dạy cho sinh viên hệ Anh Văn không chuyên gồm 06 bài sau của giáo trình World English 2 (60 tiết) và học online với nội dung do TTNN biên soạn. Cấp học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tiếng Anh cơ bản ở mức độ nâng cao, giúp sinh viên tiếp tục rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và thực hành các tình huống giao tiếp với các chủ đề về “những mặt hàng cao cấp mắc tiền; thiên nhiên; cuộc sống trong quá khứ; đi du lịch; sự nghiệp và lễ hội”.

7.14 Anh văn cấp độ 3: 3 tín chỉ

Nội dung: Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 1 được giảng dạy cho sinh viên hệ Anh Văn không chuyên gồm 50% nội dung đầu của giáo trình Campus Toeic (60 tiết) và hệ thống bài tập trực tuyến do Trung Tâm Ngoại Ngữ biên soạn. Sinh viên tiếp tục học tiếng Anh ở cấp độ nâng cao, rèn luyện 4 nhóm kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và thực hành các tình huống giao tiếp thực sự với giáo viên bản ngữ, đồng thời làm quen với các kỹ năng làm bài thi TOEIC.

7.15 Anh văn cấp độ 4: 3 tín chỉ

Nội dung: Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 2 được giảng dạy cho sinh viên hệ Anh Văn không chuyên gồm 50% nội dung còn lại của giáo trình Campus Toeic (60 tiết) và hệ thống bài tập trực tuyến do Trung Tâm Ngoại Ngữ biên soạn. Sinh viên tiếp tục học tiếng Anh ở cấp độ nâng cao, rèn luyện 4 nhóm kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và thực hành các tình huống giao tiếp thực sự với giáo viên bản ngữ, đồng thời phát triển các kỹ năng làm bài thi TOEIC.

7.16. Kỹ năng số và đổi mới sáng tạo: 2 tín chỉ

Nội dung: Học phần Kỹ năng số và đổi mới sáng tạo là học phần giới thiệu tổng quan về các kỹ năng về công nghệ thông tin như kỹ thuật đa phương tiện gồm website, hình ảnh, video, các chuẩn dữ liệu đảm bảo chất lượng truyền thông, ứng dụng tương tác qua công nghệ số, chia sẻ, tham gia, quản lý kỹ năng số, mạng công cộng. Bên cạnh đó, ứng dụng kỹ năng số vào đổi mới sáng tạo là công cụ thiết yếu để cập nhật sự phát triển các công nghệ phù hợp cho sự phát triển của xã hội ngày nay.

7.17 Cơ sở văn hóa Việt Nam: 2 tín chỉ

Nội dung: Học phần cơ sở văn hóa Việt Nam cung cấp những khái niệm cơ bản về văn hóa, đặc trưng văn hóa, nhận diện được các vùng văn hóa trên lãnh thổ Việt Nam; tiến trình lịch sử của văn hóa Việt Nam từ xưa cho đến nay. Tìm hiểu các thành tố văn hóa: văn hóa nhận thức và văn hóa tổ chức cộng đồng; văn hóa giao tiếp ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội. Tìm hiểu sự giao lưu ảnh hưởng của văn hóa Việt Nam với văn hóa Ấn Độ, Trung Quốc và văn hóa phương Tây.

7.18. Lịch sử văn minh thế giới: 2 tín chỉ

Giúp người học có những kiến thức cơ bản về lịch sử văn minh thế giới trước khi tiếp cận các môn chuyên ngành Luật. Nội dung học phần cung cấp cho người học có thể có đó được những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành, phát triển của các trung tâm văn minh tiêu biểu trên thế giới. Qua đó, người học cũng có thể hiểu sâu hơn một số khái niệm liên quan đến học phần; nắm vững về cơ sở hình thành và những thành tựu nổi bật của một số trung tâm văn minh trên thế giới; tìm hiểu về phương pháp tiếp cận và nghiên cứu một nền văn minh, từ đó rút ra một số quy luật chung về quá trình hình thành, phát triển của văn minh nhân loại.

Mặt khác, nghiên cứu lịch sử không chỉ tìm hiểu về quá khứ của, mà trên cơ sở đó để hiểu biết sâu sắc hơn về hiện tại, hành động tích cực trong hiện tại và tiên đoán sự phát triển của tương lai. Từ đó, môn Lịch sử văn minh thế giới góp phần xây dựng quan điểm nhân văn, nhân sinh quan đúng đắn, nâng cao lòng tự hào, biết trân trọng những giá trị tinh thần, vật chất của văn minh loài người, biết vận dụng một cách hữu ích vào công việc, đời sống; nhận thức rõ được những yếu tố cần kế thừa, phát huy hay loại trừ trong bối cảnh hội nhập thế giới, phục vụ cho công cuộc xây dựng đất nước theo đường lối công nghiệp hóa - hiện đại hóa, với mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

7.19. Mỹ thuật học: 2 tín chỉ

Nội dung: Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quát chung những đặc trưng cơ bản của nghệ thuật nói chung và mỹ thuật nói riêng; các loại hình nghệ thuật, đặc trưng hình tượng nghệ thuật, đặc trưng và vai trò xã hội của các thể loại nghệ thuật tạo hình: hội họa, điêu khắc, đồ họa.... Vị trí và vai trò của mỹ thuật trong cuộc sống.

7.20. Nhập môn nghệ thuật thiết kế đồ họa: 2 tín chỉ

Nội dung: Môn học trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản, khái niệm về ngành học, khái quát lịch sử ra đời và phát triển ngành Thiết Kế đồ họa. Sinh viên bước vào làm quen các thuật ngữ chuyên ngành và các mối liên kết đa ngành cơ bản. Trang bị phương pháp cơ bản trong tiếp cận, nghiên cứu, phân tích, đánh giá và ứng dụng các thông tin có liên quan đến lĩnh vực Thiết Kế đồ họa

7.21. Hình họa cơ bản 1: 3 tín chỉ

Nội dung: Kiến thức mỹ thuật tạo hình và các phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật vẽ diễn tả đối tượng từ hình khối cơ bản đến phức tạp. Giúp sinh viên nắm được phương pháp vẽ cơ bản: Dựng hình, diễn tả khối, tả chất và không gian; hiểu rõ được tỷ lệ, cấu trúc, phối cảnh của các sự vật, hình khối và cấu trúc cơ bản khuôn mặt người; Nắm vững kỹ năng vẽ chì và phương pháp sử dụng màu nước.

7.22. Hình họa cơ bản 2: 3 tín chỉ

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức về giải phẫu học cơ bản, phương pháp quan sát, phân tích, nhận diện đặc điểm chân dung người mẫu. Trang bị khả năng nắm bắt đặc điểm, tỷ lệ, cấu trúc khuôn mặt người, định vị đúng các đường trục, vị trí, hình dáng các bộ phận trên khuôn mặt trong quy trình vẽ nhân vật. Nâng cao khả năng sử dụng màu trong diễn tả chân dung người.

7.23. Hình họa chuyên ngành: 3 tín chỉ

Nội dung: Trang bị cho sinh viên kiến thức về giải phẫu học chuyên sâu cơ thể người, nắm vững các tương quan tỷ lệ, cấu trúc cơ thể học, các cơ xương chính, các cơ xương cánh tay, cổ tay..., các đặc điểm về giới tính, lứa tuổi. Phương pháp vẽ nghiên cứu toàn thân nam và nữ bằng bút chì, bút sắt, màu nước.

7.24. Cơ sở tạo hình mỹ thuật: 3 tín chỉ

Nội dung: Trình bày các kiến thức tổng quan trong nghệ thuật trang trí, nguyên lý cơ bản của thiết kế trang trí mỹ thuật (Sự lặp đi lặp lại, sự xen kẽ, sự đảo ngược, sự đối xứng - đối xứng, sự đan chéo, sự song song... và các sơ đồ bố cục cơ bản). Hướng dẫn các quy luật hòa sắc căn bản và phương pháp vẽ cơ bản như ký họa, ghi chép hoa lá, động vật trong tự nhiên. Hướng dẫn sinh viên phương pháp nghiên cứu cấu trúc từ thiên nhiên và cách chắt lọc các đặc điểm của mẫu vật vào bài học thiết kế. Rèn luyện kỹ năng vẽ tay, kỹ thuật tạo hình mỹ thuật và sử dụng thành thạo các công cụ vẽ.

7.25. Cơ sở tạo hình 1: 3 tín chỉ

Nội dung: Môn học cung cấp cho sinh viên và các quy luật cơ bản, các phương pháp trang trí cách điệu, lược giản sự vật được vận dụng trong thiết kế đồ họa (như quy luật tối giản, quy luật tỉ lệ vàng...). Nắm bắt quá trình lược nét, đơn giản hoa lá, con vật... phục vụ cho việc thiết kế các biểu tượng đồ họa có giá trị ứng dụng cao trong đời sống.

7.26. Cơ sở tạo hình 2: 3 tín chỉ

Nội dung: Trang bị kiến thức, quy trình sáng tác trang trí đồ họa truyền thống thị giác. Từ nghiên cứu, khảo sát thực tế khách quan của xã hội, các nền văn hóa... đến ý tưởng sáng tạo theo góc nhìn của người thiết kế đồ họa. Phương pháp cách điệu và sáng tạo các hình tượng nhân vật dựa trên sự nghiên cứu cơ thể và cảm xúc của con người.

7.27. Nguyên lý thiết kế đồ họa: 3 tín chỉ

Nội dung: Trang bị cho sinh viên kiến thức tổng quát, những nguyên lý đặc trưng cơ bản của ngành thiết kế đồ họa nói riêng và của lĩnh vực mỹ thuật ứng dụng nói chung. Đó là các quy tắc, quy luật đặc trưng được vận dụng trong quá trình thiết kế ở các môn học chuyên ngành của thiết kế đồ họa. Ngoài ra, các quy luật này còn được vận dụng thực tiễn trong các lĩnh vực, ngành nghề khác nhau trong xã hội.

7.38. Thực tế (ký họa phong cảnh, kiến trúc): 2 tín chỉ

Nội dung: Học phần gồm 2 phần:

Phần thứ nhất, tập trung vào kiến thức mỹ thuật về bố cục phong cảnh, luật phối cảnh, phương pháp và kỹ thuật vẽ ngoài trời... được vận dụng trong nghệ thuật tạo hình. Sinh viên hiểu rõ các chất liệu cơ bản của hội họa.

Phần thứ hai thực tế, sinh viên sẽ tiếp cận các góc nhìn thị giác tự nhiên trong quá trình đi thực tế bên ngoài. Qua đó sinh viên sẽ vẽ ký họa, ghi chép lại phong cảnh, sự vật, nhà phố... theo góc nhìn cảm xúc của mình bằng bút chì, bút sắc và màu nước.

7.29. Tiếng Anh chuyên ngành: 2 tín chỉ

Nhằm trang bị cho học viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản trong giao tiếp với thuật ngữ chuyên ngành chính xác nhóm từ, cách diễn đạt và câu. Làm cơ sở phát triển năng lực ngoại ngữ: Có thể xác định được chủ đề của các hội thoại; hiểu và giao tiếp, nắm được ý chính liên quan đến các chủ đề chuyên ngành: Mô tả hình khối, màu sắc, kiểu dáng; vẽ phác thảo, ý tưởng trong chuyên ngành Thiết kế đồ họa, Mỹ thuật ứng dụng; Có thể hiểu các đoạn văn bản về các chủ đề chuyên ngành quen thuộc và cụ thể, sử dụng những từ, cụm từ chuyên ngành trong công việc và xác định thông tin cụ thể trong các văn bản, thư từ trao đổi, hay tờ thông tin và các bài báo ngắn mô tả sự kiện.

7.30. Tin học chuyên ngành 1: 3 tín chỉ

Nội dung: Phần mềm đồ họa Adobe Illustrator phổ biến tại Việt Nam nhờ tính ưu việt trong các kỹ thuật vận hành, sử dụng trong thiết kế đồ họa. Qua các bài giảng lý thuyết và thực hành sinh động theo thang độ từ cơ bản đến nâng cao. Sinh viên có được kiến thức về chuyên ngành và kỹ năng sử dụng thành thạo chương trình vẽ đồ họa số từ đơn giản đến phức tạp nhằm phục vụ trong các môn thiết kế chuyên ngành và trong công việc chế bản in ấn.

7.31. Tin học chuyên ngành 2: 3 tín chỉ

Nội dung: Phần mềm xử lý ảnh Adobe Photoshop là một chương trình vượt trội so với rất nhiều các chương trình xử lý hình ảnh khác, nó là nền tảng quan trọng nhất cho quá trình thiết kế đồ họa kỹ thuật số. Qua các bài học lý thuyết và thực hành từ cơ bản đến chuyên ngành, sinh viên sẽ dần làm chủ công nghệ hình ảnh photoshop. Sinh viên có kiến thức, có kỹ năng thực hiện việc chỉnh sửa, thay đổi chi tiết hay màu sắc của một bức hình từ đơn giản đến phức tạp. Đáp ứng cho các yêu cầu thiết kế sáng tạo chuyên môn thiết kế layout.

7.32. Tin học chuyên ngành 3: 3 tín chỉ

Nội dung: Qua các bài giảng lý thuyết và thực hành, sinh viên sẽ làm chủ công nghệ số xử lý hình ảnh photoshop với các hiệu ứng đồ họa đặc biệt. Sinh viên có kiến thức và kỹ năng thực hiện việc chỉnh sửa, tạo hiệu ứng chi tiết và đặc biệt trong quá trình sáng tạo hình ảnh kỹ thuật số ở các thiết kế chuyên ngành. Đạt được sự chính xác cao trong công việc thiết kế đồ họa, trong việc chế bản cho ngành in.

7.33. Tin học chuyên ngành 4: 3 tín chỉ

Nội dung: Vẽ kỹ thuật số là nền tảng, liên kết quan trọng trong quá trình hoàn thiện ý tưởng thiết kế đồ họa. Sinh viên được trang bị các kiến thức đồ họa kỹ thuật số, các kỹ năng vẽ kỹ thuật số và các quy trình phối hợp, liên kết trong thiết kế công nghệ số - digital painting để vận dụng trong công việc thiết kế đồ họa, hoàn thiện bản thiết kế từ khâu ý tưởng đến final, thành phẩm theo đúng quy chuẩn đồ họa.

7.34. Tin học chuyên ngành 5: 3 tín chỉ

Nội dung: Điểm nổi bật của Adobe Indesign chính là tính đa dạng, tiện dụng và cách trình bày khoa học giúp cho việc truy cập, dàn trang thiết kế một cách thuận tiện và nhanh chóng. Sinh viên có kiến thức về Adobe Indesign là nắm bắt được tính kế thừa các công cụ và phương pháp kết hợp các phần mềm như Illustrator và photoshop hay các định dạng file khác như Microsoft Word, hay file PDF vào Indesign. Kiến thức và kỹ năng chuyên ngành Indesign hỗ trợ sinh viên trong việc thiết kế dàn trang sách, báo chí... một cách hiệu quả, tạo nên các bản final chuyên nghiệp trong quy trình chế bản in ấn thành phẩm

7.35. Kỹ thuật in chuyên ngành: 2 tín chỉ

Nội dung: Cung cấp đầy đủ các phương pháp và kiến thức cơ bản cho sinh viên về kỹ thuật in ấn, từ bản thiết kế đồ họa đến phương pháp, thủ thuật xuất file, định dạng đuôi cho tài liệu, cách thức thực hiện một quy trình thiết kế từ lúc bắt đầu đến khi xuất file in thành phẩm.

Nâng cao kiến thức đồ họa và chủ động trong quá trình thiết kế. Phân tích được những khía cạnh khác nhau của kỹ thuật in, chế bản in... nhằm tạo ra sự hoàn thiện tối ưu cho mẫu thiết kế.

7.36. Nhiếp ảnh: 3 tín chỉ

Nội dung: Trang bị kiến thức về máy ảnh kỹ thuật số, cách sử dụng máy ảnh và phương pháp sử dụng ống kính, dùng phòng tối, xử lý ảnh màu và ảnh đen trắng... sinh viên hiểu rõ vai trò, tính ứng dụng của nghệ thuật nhiếp ảnh trong quy trình

thiết kế đồ họa. Trên cơ sở nắm vững kỹ thuật ảnh số, sinh viên có thêm nhiều lựa chọn, ứng dụng cho các ý tưởng thiết kế chuyên ngành.

7.37. Nghệ thuật chữ: 2 tín chỉ

Nội dung: Phần một: Trang bị kiến thức về Typography. Cung cấp các kiến thức lịch sử ra đời của chữ viết, các kiểu chữ, quy tắc và cấu trúc, kiểu dáng hình thành nên các kiểu chữ phổ biến trong các văn hóa.

Phần hai: Nghệ thuật sáng tác thiết kế chữ, vai trò thẩm mỹ của các mẫu chữ viết tay đối với đời sống và trong lĩnh vực thiết kế đồ họa. Kỹ năng thiết kế các kiểu chữ, khoảng âm dương và nhịp điệu trong các con chữ... vận dụng cho việc thiết kế logo, thiết kế biểu tượng bằng chữ, hay dàn trang layout văn bản trong các thiết kế đồ họa chuyên ngành.

7.38. Ý tưởng thiết kế: 2 tín chỉ

Nội dung: Trang bị cho sinh viên kiến thức, những nguyên lý sáng tạo và cách thức vận hành hệ thống ý tưởng trong quá trình thiết kế đồ họa. Qua kiến thức chuyên môn, bao gồm cả tính thời đại và thuộc tính văn hóa các dân tộc, sinh viên có được góc nhìn khách quan hơn về quy trình sáng tạo, các bước cơ bản trong thiết kế: Từ ý tưởng đến thực hiện bản thiết kế ra thành phẩm in ấn, hay quá trình vận hành.

7.39. Nghệ thuật minh họa: 3 tín chỉ

Nội dung: Trang bị cho sinh viên các kiến thức trong lĩnh vực minh họa. Minh họa dưới góc nhìn nghệ thuật và minh họa ứng dụng trong thiết kế trang trí sản phẩm, thiết kế minh họa trong lĩnh vực sản xuất bao bì, quảng cáo. Sinh viên được có được kỹ năng vẽ minh họa và kiểm soát tốt ngôn ngữ tạo hình đồ họa kỹ thuật số, sử dụng nhuần nhuyễn các phần mềm thiết kế hỗ trợ.

7.40. Thiết kế và minh họa sách: 3 tín chỉ

Nội dung: Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản đến chuyên sâu trong lĩnh vực thiết kế minh họa sách, truyện tranh. Ứng dụng các thiết kế này trong các lĩnh vực xuất bản. Sinh viên được có được kỹ năng vẽ minh họa nhân vật, minh họa theo nội dung tác phẩm và kiểm soát tốt ngôn ngữ tạo hình đồ họa kỹ thuật số, sử dụng nhuần nhuyễn các phần mềm thiết kế hỗ trợ.

7.41. Thiết kế lịch và Thiệp: 2 tín chỉ

Nội dung: Khái niệm về Lịch – Thiệp & Sơ nét về lịch sử ra đời. Vai trò và công năng của các loại Lịch – Thiệp; Xu hướng thiết kế các loại Lịch – Thiệp, cùng các hình thức sáng tạo, các quy định và phương pháp thiết kế các loại Lịch – Thiệp. Trang bị cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng trong thiết kế bộ lịch trang trí, lịch cho sản phẩm hay lịch cho các sự kiện đặc biệt. Sinh viên có khả năng kiểm soát tốt ngôn ngữ tạo hình đồ họa kỹ thuật số, sử dụng nhuần nhuyễn các phần mềm thiết kế hỗ trợ.

7.42. Marketing và Thương hiệu: 2 tín chỉ

Nội dung: Xây dựng thương hiệu là quá trình lựa chọn và kết hợp các thuộc tính hữu hình cũng như vô hình để định hướng vị thế vai trò, giá trị khác biệt của sản phẩm, dịch vụ hoặc tập đoàn. Kiến thức về marketing giữ vai trò quan trọng định hình nên mục đích và ý nghĩa của thương hiệu, góp phần lớn cho sự phát triển bền vững, dài hạn của doanh nghiệp. Sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản trong vận hành thương hiệu như: Xác định cấu trúc nền móng thương hiệu; Định vị thương hiệu; Xây dựng chiến lược thương hiệu; Xây dựng chiến lược truyền thông; Đo lường và hiệu chỉnh.

7.43. Thiết kế linh vật: 3 tín chỉ

Nội dung: Trong lĩnh vực thiết kế đồ họa và quảng cáo, kỹ năng vẽ tạo hình phác triển các ý tưởng sáng tạo là yếu tố quyết định. Thiết kế linh vật, được sử dụng như một biểu tượng riêng của doanh nghiệp trong thiết kế thương hiệu, hay xây dựng sản phẩm mới. Môn học giúp cho sinh viên nắm vững các kỹ năng sáng tác tạo hình linh vật từ giai đoạn bắt đầu ý tưởng, phác thảo và hoàn thiện nhân vật trong quy trình thiết kế đồ họa. Sinh viên được có được kỹ năng vẽ nhân vật và kiểm soát tốt ngôn ngữ tạo hình đồ họa kỹ thuật số, sử dụng nhuần nhuyễn các phần mềm thiết kế hỗ trợ.

7.44. Thiết kế logo: 3 tín chỉ

Nội dung: cung cấp cho sinh viên những kiến thức, khái niệm về biểu trưng - logo, biểu tượng, ký hiệu, huy hiệu, phù hiệu, linh vật... các đặc điểm, tính chất, vai trò, vị trí của Logo. Trang bị cho sinh viên phương pháp và quy trình nghiên cứu, thiết kế các loại logo, biểu trưng. Thiết kế bộ giấy tờ văn phòng: giấy viết thư (Letterhead), danh thiếp (Name card), bao thư (Envelop), biểu mẫu cho Fax... Trang bị cho sinh viên cách vận dụng thiết kế logo để ứng dụng vào một thương hiệu giả lập hay có thật trên thị trường.

7.45. Thiết kế Poster 1, 2: 4 tín chỉ

Nội dung: Kiến thức về nghệ thuật quảng cáo, vai trò, giá trị và tầm ảnh hưởng của quảng cáo trong xã hội hiện đại. Sinh viên có kiến thức về thiết kế quảng cáo và nhận biết được sự khác nhau giữa các loại hình truyền thông thị giác. Có kỹ năng chuyên sâu về thiết kế đồ họa thị giác kỹ thuật số bằng những hình ảnh và chữ viết cô đọng, nhằm truyền đạt thông điệp, cổ động, quảng cáo ứng dụng trong nhiều lĩnh vực khác nhau trong cuộc sống.

7.46. Thiết kế Catalogue và Brochure: 2 tín chỉ

Nội dung: kiến thức về truyền thông quảng cáo. Phân tích các đặc điểm để chọn lựa phương cách bố cục, hình ảnh minh họa, chữ... cho phù hợp, đảm bảo thông tin trong quá trình thiết kế Catalogue, Brochure, Flyer, Leaflet và in ấn. Trang bị cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng chuyên môn thiết kế. Ứng dụng các thiết kế này trong lĩnh vực xuất bản ấn phẩm. Sinh viên có khả năng kiểm soát ngôn ngữ thiết kế đồ họa, sử dụng nhuần nhuyễn các phần mềm thiết kế.

7.47. Thiết kế đồ họa truyền thông – sự kiện công cộng: 3 tín chỉ

Nội dung: Trang bị cho sinh viên các kiến thức chuyên môn trong lĩnh vực Thiết kế đồ họa truyền thông, công cộng. Ứng dụng học phần thiết kế này trong các lĩnh vực như: tổ chức sự kiện, hội chợ, quảng bá sản phẩm mới...

Sau khi học xong sinh viên có khả năng kiểm soát ngôn ngữ đồ họa, sử dụng nhuần nhuyễn các phần mềm thiết kế.

7.48. Thiết kế thương hiệu - Brand: 3 tín chỉ

Nội dung: Thiết kế thương hiệu là bộ mặt trong quy trình thiết kế sản phẩm mới (brandbuilding). Vận dụng kiến thức môn typography sự hiểu biết sâu sắc các đặc trưng về kiểu chữ, cấu trúc, kiểu dáng... Sinh viên thực hành kỹ năng sáng tạo ứng dụng vào thực tiễn, để thiết kế tên nhãn hàng, tên sản phẩm mới. Qua môn học sinh viên có được kỹ năng thiết kế đồ họa ứng dụng và nắm rõ được quy trình xây dựng một sản phẩm mới.

7.52. Thiết kế đồ họa bao bì, sản phẩm: 3 tín chỉ

Nội dung: Sự liên kết giữa 2 môn, thiết kế thương hiệu tên sản phẩm mới áp dụng vào thiết kế bao bì sản phẩm. Sinh viên thực hiện các bài tập dựa trên cơ sở bài giảng

về cấu trúc, thể loại bao bì, hộp đựng... tham khảo, nghiên cứu nhãn mác của bao bì và phần thể tích chứa đựng của sản phẩm trên thị trường. Sinh viên dựa trên nền tảng các sản phẩm có mặt trên thị trường để áp dụng vào thiết kế bài học, với kích thước và thành phẩm hoàn toàn như thật.

7.49. Thiết kế giao diện Web: 3 tín chỉ

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về công nghệ truyền thông, và các nền tảng chính của dữ liệu số. Sinh viên học về layout, thiết kế giao diện web, các hệ màu và quy chuẩn trong vận hành và truyền dữ liệu kỹ thuật số.

7.50. Minh họa phân cảnh quảng cáo: 2 tín chỉ

Nội dung: Dựa trên nội dung kịch bản cụ thể, theo từng phân đoạn, người thiết kế sẽ chuyển thể những kịch bản viết đó ra thành những phác họa hình ảnh như một cuốn truyện tranh, vừa hội tụ đầy đủ góc máy, khung hình... vai trò của StoryBoard được xem như một kịch bản bằng hình, thể hiện bối cảnh, nhân vật trong câu chuyện và trạng thái cảm xúc của từng nhân vật trong mỗi cảnh quay.

7.51. Thiết kế đồ họa Báo chí và tạp chí nghệ thuật: 3 tín chỉ

Nội dung: Kiến thức, khái niệm về nghệ thuật truyền thông cộng đồng hay thuật ngữ báo chí, tạp chí... vai trò của báo chí, tạp chí trong muôn mặt thông tin xã hội, trong nhiều lĩnh vực của cuộc sống, và quy trình, phương pháp thiết kế minh họa báo chí, tạp chí. Trang bị cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng chuyên ngành trong lĩnh vực thiết kế đồ họa truyền thông báo chí và xuất bản.

7.52. Thiết kế đồ họa hệ thống nhận diện thương hiệu (CIP): 3 tín chỉ

Nội dung: cung cấp cho sinh viên những nhận thức về các đặc điểm, tính chất, vai trò, vị trí của Logo và hệ thống nhận diện thương hiệu (Corporate Identity System = CI hay Corporate Identity Programs = CIP), vai trò của nó trong đời sống kinh tế, thương mại. Hệ thống nhận diện thương hiệu là hệ thống chuẩn mực, là quy chuẩn về hình ảnh, kích thước, nguyên tắc sử dụng Logo, Slogan, các hạng mục văn phòng, quan hệ công chúng, thương mại điện tử, đồ họa ngoài trời... của doanh nghiệp. Qua môn học, sinh viên có kiến thức và khả năng thiết kế hệ thống nhận diện thương hiệu cho các công ty, doanh nghiệp.

7.53. Hồ sơ năng lực thiết kế: 2 tín chỉ

Nội dung: Trang bị cho sinh viên phương pháp thiết kế profile cá nhân, giới thiệu khả năng và năng lực bản thân trước nhà tuyển dụng, hay giới thiệu trình bày các ý tưởng trước đối tác, khách hàng. Sinh viên sẽ tiếp cận được các phương pháp tìm ý tưởng riêng, thiết lập hệ thống ý tưởng, xác định khối lượng, quy mô của đồ án, phong cách thiết kế hợp với tinh thần của cá nhân hay đề tài và sự đảm bảo khả năng thông tin tốt, ý tưởng độc đáo, tính thẩm mỹ đồ họa cao.

7.54. Đề cương tốt nghiệp: 2 tín chỉ

Nội dung: Trang bị cho sinh viên phương pháp từ việc chọn đề tài, tư duy, viết đề cương, tìm ý tưởng riêng, thiết lập hệ thống ý tưởng, xác định khối lượng, quy mô của đồ án, phong cách thiết kế hợp với tinh thần của đề tài và đảm bảo khả năng trình bày thông tin tốt. Đặc biệt là trang bị cho sinh viên khả năng phân tích, đánh giá, phản biện cho từng phương án thể hiện của chính mình qua các tài liệu – tư liệu được thu thập trong thời gian thực tập có liên quan đến sản phẩm hay công ty mà sinh viên lựa chọn cho chủ đề tốt nghiệp. Dựa trên các tài liệu này sinh viên hoàn thiện đề cương tốt nghiệp với các hạng mục thiết kế đầy đủ, để chuẩn bị cho quá trình thực hiện và hoàn thiện đồ án trong giai đoạn Tốt nghiệp.

7.55. Thực tập nhận thức: 3 tín chỉ

Nội dung: Sinh viên đi thực tập tại một công ty cụ thể, có các hoạt động thiết kế đồ họa hay sản xuất sản phẩm đa dạng phục các lợi ích khác nhau của xã hội. Trong thời gian thực tập, sinh viên thực hành nghiên cứu, khảo sát và thiết kế theo yêu cầu của công ty, nhằm có trải nghiệm môi trường làm việc thực quan.

7.56. Thực tập tốt nghiệp: 4 tín chỉ

Nội dung: Sinh viên đi thực tập tại một công ty cụ thể, có các hoạt động sản xuất đa dạng phục các lợi ích khác nhau của xã hội. Trong thời gian thực tập, sinh viên thu thập các tài liệu – tư liệu dưới dạng: hình ảnh, ký họa, ghi chép, sưu tầm tư liệu, các đoạn video clip, âm thanh... Tất cả các tài liệu trên đều phải liên quan và có giá trị sử dụng cho đề cương tốt nghiệp và làm nền tảng cơ sở cho đồ án tốt nghiệp

7.57. Đồ án tốt nghiệp: 7 tín chỉ

Nội dung: Sinh viên dựa trên đề cương TN– Thiết kế hệ thống đồ họa cho một công ty hay thiết kế sản phẩm. Qua đó sinh viên thiết lập ý tưởng cho từng hạng mục thiết kế, theo đúng quy trình, đạt yêu cầu về thẩm mỹ đồ họa và có giá trị ứng dụng cao. Sinh viên hoàn thành mẫu sản phẩm của các hạng mục thiết kế, quy hoạch gian trưng bày đồ án.

IV. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Đối sánh chương trình đào tạo đã tham khảo

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành Thiết kế đồ họa của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT ngành Thiết kế đồ họa của Trường ĐH Hoa Sen Tp HCM	CTĐT ngành Thiết kế đồ họa của Trường ĐH Văn Lang	CTĐT ngành Thiết kế đồ họa của Raffle University, Singapore	CTĐT ngành Thiết kế đồ họa của LCI Melbourne University, Australia	Nhận xét
Tổng số tín chỉ	150 TC	143 TC	131 TC	105 TC	107 TC	
Cấu trúc chương trình:	Tín chỉ	Tín chỉ	Tín chỉ	Modules	Modules	
- Học phần đại cương	35 TC 1. Triết học Mác - Lênin 2. Kinh tế Chính trị Mác - Lênin 3. Chủ nghĩa Xã hội khoa học 4. Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam 5. Tư tưởng Hồ Chí Minh	42TC 1. Những NLCB của CN Mac Lenin 1 2. Những NLCB của CN Mac Lenin 2 3. Triết học Mác - Lênin 4. Kinh tế chính trị Mác - Lênin 5. Chủ nghĩa Xã hội khoa học 6. Tư tưởng HCM	38 TC 1. Những NLCB của CN Mac Lenin 2. Đường lối CM của Đảng CSVN 3. Tư tưởng HCM 4. Pháp luật đại cương 5. Chuyên đề pháp luật chuyên ngành 6. Phương pháp sáng tạo	16 TC 1.English I 2.English II 3.English III 4.English IV	16 TC 5.English I 6.English II 7.English III 8.English IV	Có sự tương đồng trong kiến thức đại cương của các trường trong nước, Nhưng có sự khác biệt về

	6. Pháp luật đại cương 7. Khởi nghiệp 8. Kỹ năng giao tiếp (HP1) 9. Kỹ năng giao tiếp (HP2) 10. Tiếng Anh tổng quát 1 11. Tiếng Anh tổng quát 2 12. Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 1 13. Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 2 14. Giáo dục thể chất 1 15. Giáo dục quốc phòng 2 Tự chọn: 1. Logic học 2. Xã hội học đại cương	7. Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam 8. Đường lối CM của Đảng CSVN 9. Tư tưởng HCM 10. Anh văn giao tiếp quốc tế 3 11. Anh văn giao tiếp quốc tế 4 12. Anh văn giao tiếp quốc tế 5 13. Anh văn giao tiếp quốc tế 6 14. Phương pháp học đại học 15. Tư duy phản biện 16. Giáo dục thể chất 17. Giáo dục quốc phòng	7. Cơ sở văn hoá Việt Nam 8. Nghệ thuật học 9. Lịch sử mỹ thuật 10. Anh văn 1 11. Anh văn 2 12. Anh văn 3 13. Anh văn 4 14. Tin học căn bản 15. Tin học ứng dụng 16. Giáo dục thể chất 17. Giáo dục quốc phòng		khối kiến thức đại cương so với các trường quốc tế.
--	--	---	---	--	--

	3.Kỹ năng số và đổi mới sáng tạo	42 TC	39 TC	MODULES (31 TC)	MODULES (34 TC)	
- Học phần sở ngành	39 TC 1. Nhập môn nghệ thuật thiết kế đồ họa 2. Hình họa cơ bản 1 3. Hình họa cơ bản 2 4. Hình họa chuyên ngành 5. Cơ sở tạo hình mỹ thuật 6. Cơ sở tạo hình 1 7. Cơ sở tạo hình 2 8. Nguyên lý thiết kế đồ họa 9. Kỹ thuật hội họa 10. Tin học chuyên ngành 1 11. Tin học chuyên ngành 2 12. Tin học chuyên ngành 3	42 TC 1. Hình họa mỹ thuật 1 2. Hình họa mỹ thuật 2 3. Cơ sở tạo hình mỹ thuật 1 4. Cơ sở tạo hình mỹ thuật 2 5. Cơ sở tạo hình đồ họa 6. Minh họa 7. Truyền thông đại chúng 8. Tin học chuyên ngành 1 9. Tin học chuyên ngành 2 10. Tin học chuyên ngành 3 11. Nghệ thuật chữ 1 12. Nghệ thuật chữ 2 13. Nhiếp ảnh 14. Đồ họa thông tin	39 TC 1. Giải phẫu học 2. Cơ sở tạo hình mỹ thuật 3. Trang trí cơ bản 4. Luật xa gần 5. Hình họa 1 6. Hình họa 2 7. Hình họa 3 8. Hình họa 4 9. Màu sắc và trang trí trên máy tính 10. Nghệ thuật chữ 11. Trang trí cơ sở ngành đồ họa 12. Trang trí chuyên ngành đồ họa 13. Cơ sở thiết kế đồ họa 14. Nghiên cứu lịch sử đồ họa	MODULES (31 TC) 1. 3D Techniques 2. Design Fundamental 3. Design Thinking 4. Digital Illustration 5. Digital Image Process 6. Digital Photography 7. Drawing Fundament 8. Type and Layout	MODULES (34 TC) EXPLORATION 1. The Rise of Visual Culture 2. Design Workshop 1 3. Design Workshop 2 FOUNDATION 1. Design Laboratory 1 2. Major Study Practic 1 3. Visual Literacy 1 4. Analysing Visual Culture	NTTU thiên về thực hành, không xa rời xu hướng CDR của nhiều trường có kinh nghiệm trong đào tạo ngành KT. Điểm nổi bật của NTTU tập trung vào ứng dụng tin học kỹ thuật số ứng dụng trong thiết kế hơn các

	13. Tin học chuyên ngành 4 14. Tin học chuyên ngành 5 15. Kỹ thuật in chuyên ngành 16. Nhiếp ảnh 17. Nghệ thuật chữ 18. Tư duy sáng tạo trong thiết kế 19. Marketing và thương hiệu 20. Tiếng Anh chuyên ngành 21. Mỹ Thuật học		15. Nghệ thuật chữ 16. Xử lý hình ảnh trên máy tính			trường khác.
- Học phần chuyên ngành	61 TC 1. Ý tưởng thiết kế 2. Nghệ thuật minh họa 3. Thiết kế linh vật 4. Thiết kế minh họa sách, truyện	48 TC 1. Triết lý thiết kế 2. Quản lý dự án 3. Đồ họa dàn trang 4. Đồ họa nhận diện thương hiệu 5. Đồ họa truyền thông 6. Kỹ thuật in	45 TC 1. Thiết kế bìa sách 2. Tranh khắc 3. Kỹ thuật và vật liệu in 4. Nghiên cứu vốn cổ dân tộc	MODULS (48 TC) 1. Academic Research and Communication Skill 2. Advertising Design 1 & 2	MODULS (49 TC) ISSUES 1. Design Laboratory 2 2. Sub Major Study 1	- NTTU không xa rời xu hướng CDR của nhiều trường có kinh

5. Thiết kế lịch và thiệp	7. Đồ họa minh họa sách	5. Nhiếp ảnh	3. Design Studio 1 & 2	3. Professional Practice 1	nghiệm trong đào tạo ngành TKĐH.
6. Thiết kế Logo	8. Đồ họa bao bì	6. Marketing	3. History of Visual Communication	4. Thinking	- Điểm riêng của NTTU
7. Thiết kế Poster 1	9. Đồ họa web	7. Thiết kế poster quảng cáo	4. Major Project	GLOBAL	thiên về thiết kế ứng dụng theo thị trường marketing, các môn học chuyên ngành có hệ thống liên kết, hình thành đồ án lớn.
8. Thiết kế Poster 2	10. Đồ họa động	8. Thiết kế bao bì, nhãn hiệu sản phẩm	5. Motion Graphic and Effects 1	1. Design Laboratory 3	
9. Thiết kế Brochure & Catalogue	11. Kịch bản và xây dựng kịch bản	9. In ấn đồ họa truyền thống	6. Packaging Design	2. Professional Elective 1	
10. Thiết kế đồ họa sự kiện	12. Hồ sơ năng lực thiết kế	10. Thiết kế dàn trang	7. Portfolio Design	3. Design and Culture	
11. Thiết kế thương hiệu – Brand		11. Thiết kế lịch	8. Print Media and Production	INDUSTRY	
12. Thiết kế nhãn hàng, bao bì sản phẩm		12. Thiết kế logo và ấn phẩm văn phòng	9. Publication Design	1. Design Laboratory 4	
13. Thiết kế giao diện Web		13. Thiết kế báo, tạp chí	10. Semiotics and image Making	2. Business Communication 1	
14. Thiết kế minh họa phân cảnh quảng cáo		14. Thiết kế giao diện web	11. Semiotics and Mark Making	3. Visual Communication 1	
15. Thiết kế báo chí và tạp chí nghệ thuật		15. Đồ họa chiến dịch truyền thông	12. Typography 1 & 2	SELF	
16. Thiết kế hệ thống nhận diện thương hiệu (CIP)		16. Nhận diện thương hiệu	13. Visual Identity System	1. Design Laboratory 5	
		17. Nghiên cứu chuyên đề	14. Web Design 1	2. Professional Practice 2	
			- Choose 1:	3. Visual Communication 2	

	17. Hồ sơ năng lực thiết kế 18. Đề cương tốt nghiệp		18. Cụm đồ án tốt nghiệp	1. Industrial Attachment 2. Industry and Community Engagement		
- Học phần tốt nghiệp	7 TC Đồ án tốt nghiệp	8 TC Đồ án tốt nghiệp	8 TC Đồ án tốt nghiệp	10 TC Đồ án tốt nghiệp	10 TC Đồ án tốt nghiệp	Khả tương đồng về thời gian và hình thức thực hiện đồ án Tốt nghiệp ở NTT và các trường trong nước.
Các chuyên ngành hẹp	Không					
Phương pháp giảng	- Sinh viên làm việc cá nhân, làm việc nhóm trong các học phần. - Sinh viên học lý thuyết kết hợp với	- Sinh viên làm việc cá nhân, làm việc nhóm trong các học phần. - Sinh viên học lý thuyết kết hợp với	- Sinh viên làm việc cá nhân, làm việc nhóm trong các học phần. - Sinh viên học lý thuyết kết hợp với	- Sinh viên làm việc cá nhân, làm việc nhóm trong các học phần. - Sinh viên học lý thuyết kết hợp với	- Sinh viên làm việc cá nhân, làm việc nhóm trong các học phần. - Sinh viên học lý thuyết kết hợp	Khả tương đồng trong Phương pháp giảng

BM12_XDCT_Chương trình đào tạo

dạy/học tập	thực hành qua đồ án hoặc thực tập. - Giảng viên hỗ trợ và hướng dẫn Sinh viên tiếp thu kiến thức trong giờ lên lớp và mở rộng kiến thức ngoài giờ lên lớp.	thực hành qua đồ án hoặc thực tập. Giảng viên hỗ trợ và hướng dẫn Sinh viên tiếp thu kiến thức trong giờ lên lớp và mở rộng kiến thức ngoài giờ lên lớp.	thực hành qua đồ án hoặc thực tập. Giảng viên hỗ trợ và hướng dẫn Sinh viên tiếp thu kiến thức trong giờ lên lớp và mở rộng kiến thức ngoài giờ lên lớp.	thực hành qua đồ án hoặc thực tập. Giảng viên hỗ trợ và hướng dẫn Sinh viên tiếp thu kiến thức trong giờ lên lớp và mở rộng kiến thức ngoài giờ lên lớp.	dạy/học tập ở NTT và các trường trong và ngoài nước.
Học phí					
Các đối sánh khác	Không				

2. Đối sánh chương trình đào tạo với các khóa trước

Nội dung đối sánh	Khóa 2017	Khóa 2021	Khóa hiện tại	Nhận xét (Cần nêu rõ phần nào được cải tiến, các điểm khác biệt của chương trình hiện tại)
Tổng số tín chỉ	143	150	150	
Cấu trúc chương trình: (số lượng môn/tín chỉ)				
Đại cương	13	13	13	

Nội dung đối sánh	Khóa 2017	Khóa 2021	Khóa hiện tại	Nhận xét (Cần nêu rõ phần nào được cải tiến, các điểm khác biệt của chương trình hiện tại)
Khoa học cơ bản	23	20	22	
Cơ sở ngành	36	29	41	Hệ thống lại các môn cơ sở ngành phù hợp.
Chuyên ngành/cốt lõi ngành/chuyên sâu	59	75	61	Chọn lọc lại các môn chuyên ngành phù hợp để đáp ứng CDR theo nhu cầu xã hội.
Tốt nghiệp	12	12	13	
Các chuyên ngành hẹp của ngành đào tạo (nếu có)				
Phương pháp giảng dạy/học tập	- Phương pháp thuyết trình - Phương pháp diễn trình - Phương pháp dạy thực hành	- Phương pháp thuyết trình - Phương pháp diễn trình - Phương pháp dạy thực hành	- Phương pháp thuyết trình - Phương pháp diễn trình - Phương pháp dạy thực hành	
Phương pháp đánh giá	- Đánh giá tiến trình - Đánh giá tổng kết/ định kỳ	- Đánh giá tiến trình - Đánh giá tổng kết/ định kỳ	- Đánh giá tiến trình - Đánh giá tổng kết/ định kỳ	

BM12_XDCT_Chương trình đào tạo

Nội dung đối sánh	Khóa 2017	Khóa 2021	Khóa hiện tại	Nhận xét (Cần nêu rõ phần nào được cải tiến, các điểm khác biệt của chương trình hiện tại)
Các đối sánh khác (nếu có)				



V. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Hình thức tổ chức giảng dạy

Hoạt động dạy - học được thiết kế cho chương trình đào tạo ngành nhằm đảm bảo cho người học phát triển toàn diện cả về kiến thức, kỹ năng và các mức tự chủ & trách nhiệm.

Các phương pháp giảng dạy:

Chiến lược dạy học trực tiếp

- Phương pháp thuyết trình
- Phương pháp diễn trình
- Phương pháp dạy thực hành
- Giải thích cụ thể

Chiến lược dạy học gián tiếp

- Câu hỏi gợi mở
- Giải quyết vấn đề

Chiến lược dạy học trải nghiệm

- Thực tập, thực tế (Field Trip)
- Mô hình (Models)

Chiến lược dạy học tương tác

- Tranh luận, Thảo luận, Học nhóm, Chiến lược tự học, Bài tập ở nhà

2. Hình thức kiểm tra, đánh giá

- Đánh giá tiến trình (chuyên cần, bài tập, thuyết trình)
- Đánh giá tổng kết/ định kỳ (Đánh giá thuyết trình, Đánh giá làm việc nhóm)

3. Một số hướng dẫn khác

- Thực hành ngoài: vẽ phong cảnh; chụp ảnh.
- Khảo sát thị trường sản phẩm, các lĩnh vực liên quan TKĐH.
- Tham quan quy trình in ấn tại phân xưởng sản xuất.
- Thực tập nhận thức ngành nghề tại công ty thiết kế.

HIỆU TRƯỞNG *phau*

(Ký tên và đóng dấu)



TS. Trần Ái Cẩm

TRƯỞNG KHOA

(Ký tên và ghi rõ họ tên)

Thị Hạnh

PGS.TS. Nguyễn Thị Hạnh Nguyên

